ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 40 /2022/QĐ-UBND	*Quảng Bình, ngày 26 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 16 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Công văn số 151/TTHĐND-VP ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2670/TTr-STC ngày 28 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Bình.

2. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai không quy định tại Quyết định này được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng, phòng chống thiên tai của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Nguồn hình thành vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai

Nguồn hình thành vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai từ ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Trong trường hợp tình thế cấp bách khi có tình huống thiên tai xảy ra mà tiêu chuẩn, định mức sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai quy định tại Quyết định này không đảm bảo để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai thì các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 5. Chế độ quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai và các văn bản chế độ chính sách hiện hành có liên quan.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kiêm Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai của các tổ chức, đơn vị thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên

tai và tìm kiếm cứu nạn để báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định mua sắm, bố trí cho các đơn vị theo đúng định mức quy định.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 11 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kiêm Ban chỉ huy phòng thủ dân sự cấp tỉnh, cấp huyện; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; TT UBND tỉnh; TT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- Báo Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Mạnh Hùng

PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG VẬT TƯ, PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 40 /2022/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Đơn vị tính	Số lượng tối đa			Ghi chú
			Tổng cộng	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp tỉnh	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp huyện	
A	**TRANG THIẾT BỊ**					
I	**GIÁM SÁT, PHÂN TÍCH TÌNH HUỐNG THIÊN TAI**					
1	Thiết bị cảnh báo sớm lũ quét, sạt lở đất	Bộ	34	34	0	Văn phòng TT BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh quản lý tài sản
2	Trạm đo mưa, mực nước, lưu lượng, gió, nhiệt độ (cố định và di động)	Bộ	30	30	0	Văn phòng TT BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh quản lý tài sản
3	Trạm cảnh báo dông, lốc sét	Trạm	30	30	0	Văn phòng TT BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh quản lý tài sản
II	**PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**					
1	Thiết bị truyền hình trực tuyến, truyền hình, âm thanh phục vụ chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai (màn hình, loa, webcam, micro, bàn, ghế, đường truyền tốc độ cao)	Bộ	9	1	8	Văn phòng TT BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh: 01 bộ; BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (01 bộ/địa phương)
2	Thiết bị nguồn, lưu điện đảm bảo nguồn điện phục vụ chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai	Bộ	40	32	8	32 sở, ngành, đơn vị thành viên BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh (01 bộ/thành

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Đơn vị tính	Số lượng tối đa			Ghi chú
			Tổng cộng	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp tỉnh	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp huyện	
						viên); BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (01 bộ/địa phương)
3	Máy phát điện công suất 10 KVA duy trì nguồn điện phục vụ chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai	Bộ	14	6	8	Văn phòng UBND tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Công an tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT; Văn phòng TT BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh (01 bộ/đơn vị); BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (01 bộ/địa phương)
4	Máy chủ phục vụ lưu trữ thông tin phòng, chống thiên tai	Bộ	9	1	8	Văn phòng TT BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh (01 bộ); BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (01 bộ/địa phương)
5	Máy tính để bàn cấu hình cao để cài đặt các phần mềm chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Bộ	14	6	8	Văn phòng UBND tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Công an tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT; Văn phòng TT BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh (01 bộ/đơn vị); BCH PCTT và TKCN kiêm BCH

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Đơn vị tính	Số lượng tối đa			Ghi chú
			Tổng cộng	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp tỉnh	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp huyện	
						PTDS các huyện, thị xã, thành phố (01 bộ/địa phương)
6	Máy tính xách tay cấu hình cao để cài đặt các phần mềm chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Bộ	14	6	8	Văn phòng UBND tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Công an tỉnh; Sở Nông nghiệp và PTNT; Văn phòng TT BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh (01 bộ/đơn vị); BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (01 bộ/địa phương)
7	Điện thoại vệ tinh phục vụ liên lạc khẩn cấp trong tình huống thiên tai	Bộ	62	54	8	32 thành viên BCH PCTT và TKCN kiêm PTDS cấp tỉnh (mỗi thành viên 01 bộ, riêng Công an tỉnh 08 bộ, Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng 16 bộ); BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (01 bộ/địa phương)
8	Phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên dùng phục vụ phòng, chống thiên tai	Bộ	1	1	0	Văn phòng TT BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh quản lý tài sản (các đơn vị sử dụng usename và password được cấp để khai thác)
II	**PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN TẠI HIỆN TRƯỜNG**					

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Đơn vị tính	Số lượng tối đa			Ghi chú
			Tổng cộng	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp tỉnh	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp huyện	
1	Máy bay không người lái đáp ứng yêu cầu thu thập hình ảnh, tìm kiếm thông tin tiếp cận nơi đã, đang xảy ra thiên tai	Chiếc	3	3	0	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh (01 chiếc/đơn vị)
2	Máy cưa đa năng đáp ứng yêu cầu xử lý cây đổ và các chướng ngại vật trên đường tiếp cận khu vực xảy ra thiên tai	Cái	75	35	40	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh (10 cái/đơn vị); Sở Giao thông Vận tải (05 cái); BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (01 bộ/địa phương)
3	Thiết bị quan sát hiện trường trong điều kiện đêm và thiên tai, bão, lũ đã, đang xảy ra	Bộ	14	6	8	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh (02 bộ/đơn vị); Sở Giao thông Vận tải (05 cái); BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (05 cái/địa phương)
4	Thiết bị y tế chuyên dùng cứu chữa người bị thương khi thiên tai đã, đang xảy ra	Bộ	235	75	160	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Hội chữ thập đỏ, Ủy ban MTTQVN tỉnh (15 bộ/đơn vị); Sở Giao thông Vận tải (05 cái); BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (20 bộ/địa phương)

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Đơn vị tính	Số lượng tối đa			Ghi chú
			Tổng cộng	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp tỉnh	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp huyện	
5	Bộ đàm chuyên dùng chống nước đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy tình huống mưa lớn, ngập lụt	Bộ	55	15	40	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh (05 bộ/đơn vị); Sở Giao thông Vận tải (05 cái); BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (05 bộ/địa phương)
6	Súng bắn đạn tín hiệu chuyên dùng cảnh báo thiên tai đáp ứng yêu cầu hoạt động an toàn khi thiên tai đã, đang xảy ra	Cái	15	15	0	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh (05 cái/đơn vị)
7	Máy ảnh, máy quay phim chuyên dùng các loại đáp ứng yêu cầu hoạt động an toàn khi thiên tai đã, đang xảy ra					
7.1	Máy quay phim	Cái	2	2	0	Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình
7.2	Máy ảnh	Cái	2	2	0	Báo Quảng Bình, Đài PTTH Quảng Bình
B	**VẬT TƯ**					
1	Bộ dụng cụ chuyên dùng phục vụ cán bộ công tác hiện trường đáp ứng yêu cầu hoạt động an toàn khi thiên tai đã, đang xảy ra (Ba lô chống nước, túi ngủ, quần áo chuyên dùng, mũ, giày, dép, đèn pin, túi cấp cứu lưu động,...)	Bộ	140	60	80	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (20 bộ/đơn vị); BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (05 bộ/địa phương)
2	Thang dây chuyên dùng phục vụ di chuyển lên vị trí cao tại hiện trường đáp ứng yêu cầu an toàn khi thiên tai đang xảy ra	Cái	125	45	80	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (15 cái/đơn vị); BCH

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Đơn vị tính	Số lượng tối đa			Ghi chú
			Tổng cộng	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp tỉnh	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp huyện	
						PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (10 cái/địa phương)
3	Túi trữ nước ngọt chuyên dùng phục vụ cán bộ công tác tại hiện trường	Cái	125	45	80	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (15 cái/đơn vị); BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (10 cái/địa phương)
4	Vật tư chuyên dùng phục vụ xử lý khẩn cấp sự cố đê điều, hồ đập					
4.1	Vải địa kỹ thuật	Cuộn	46	6	40	Văn phòng TT Ban CH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh: 06 cuộn; BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (10 cái/địa phương)
4.2	Rọ thép	Cái	5.000	200	4.800	Văn phòng TT Ban CH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh: 200 cái; BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (600 cái/địa phương)
4.3	Đá hộc	m^3	4.000	0	4000	BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố ($500m^3$/địa phương)

TT	Tên vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Đơn vị tính	Số lượng tối đa			Ghi chú
			Tổng cộng	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp tỉnh	BCH PCTT, TKCN và PTDS cấp huyện	
4.4	Áo phao	Cái	50.000	2.000	48.000	Văn phòng TT Ban CH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS tỉnh: 2000 cái; BCH PCTT và TKCN kiêm BCH PTDS các huyện, thị xã, thành phố (6000 cái/địa phương)